

Bản án số: 30/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 26-6-2020

V/v: “*Tranh chấp về ly hôn và yêu cầu nuôi con*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tôn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lương Thị Hồng Hạnh;

2. Ông Danh Út Nhỏ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao không tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 6 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang, đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 143/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/6/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị D - sinh năm 1995 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp Ph, xã V, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

2. Bi đơn: Anh Nguyễn Chí Th - sinh năm 1991 (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Ph, xã V, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 05/5/2020 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày: Tôi và chồng tôi là anh Nguyễn Chí Th có tình hiểu nhau được 02 năm thì tiến tới hôn nhân vào năm 2013, hôn nhân tự nguyện, đám cưới được tổ chức theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn trễ hạn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang vào ngày 10/3/2014.

Sau khi kết hôn vợ chồng tôi sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung nên thường xuyên cãi vã, đánh nhau, chồng tôi chỉ lo chơi bời mà không lo lắng cho vợ con. Nay xét thấy cuộc sống hôn nhân không còn hàn gắn được nữa, vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với chồng tôi là anh Nguyễn Chí Th.

Về con chung: Quá trình chung sống chúng tôi có hai người con chung tên Nguyễn Chí Th1 - sinh ngày 28/01/2014 và Nguyễn Chí Th2 – sinh ngày 20/3/2018, hiện nay các con đang sống cùng với nội của cháu. Tôi yêu cầu được nuôi cháu Nguyễn Chí Th2 và giao cháu Nguyễn Chí Th1 cho chồng tôi nuôi, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi xác định vợ chồng không có tài sản chung cũng không thiếu nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 29/5/2020 và tại biên bản hòa giải ngày 10/6/2020 bị đơn anh Nguyễn Chí Th trình bày: Tôi thống nhất với lời trình bày của vợ tôi về ngày tháng năm kết hôn, về con chung, về tài sản chung, nợ chung. Về nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tôi cãi nhau về việc vợ tôi có người đàn ông khác bên ngoài. Tôi đã khuyên nhưng vợ tôi không nghe nên tôi giận vợ mới đi làm ở Long An. Nay vợ tôi yêu cầu ly hôn thì tôi không đồng ý vì tôi còn thương vợ, thương con rất nhiều.

Về con chung: Quá trình chung sống chúng tôi có hai người con chung tên Nguyễn Chí Th1 - sinh ngày 28/01/2014 và Nguyễn Chí Th2 – sinh ngày 20/3/2018, hiện nay các con đang sống cùng với nội của cháu. Nếu Tòa án giải quyết cho vợ chồng tôi phải ly hôn với nhau thì tôi đồng ý theo yêu cầu của vợ tôi là giao cháu Nguyễn Chí Th2 cho vợ tôi nuôi, còn tôi nuôi cháu Nguyễn Chí Th1, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi xác định vợ chồng không có tài sản chung cũng không thiếu nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình chung sống, do phát sinh mâu thuẫn không giải quyết được với nhau nên chị Nguyễn Thị D khởi kiện xin ly hôn với anh Nguyễn Chí Th được Tòa án thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền được quy định tại Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 (BLTTDS 2015).

Anh Nguyễn Chí Th là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng anh có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 228 của BLTTDS năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử là phù hợp.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D xác lập quan hệ hôn nhân với anh Nguyễn Chí Th vào năm 2013, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương và có làm thủ tục đăng ký kết hôn trễ hạn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang vào ngày 10/3/2014 theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 17/2014, quyển số 01/2014, cho nên theo quy định tại Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 thì hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu của chị D xin được ly hôn với anh Th vì lý do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung nên thường xuyên cãi vã, thậm chí dẫn đến đánh nhau. Chị D cho rằng đời sống với anh Th không có hạnh phúc, anh Th không lo cho vợ con mà chỉ lo chơi bời nên khởi kiện ra tòa xin ly hôn với anh Th. Đồng thời, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhằm tạo điều kiện cho anh chị hàn gắn nhưng không có kết quả. Tại phiên tòa hôm nay chị D đã tỏ rõ thái độ không còn thương yêu gì đối với anh Th nữa nên cương quyết ly hôn với anh Th. Còn anh Th thì cho rằng mâu thuẫn của vợ chồng anh là không lớn, vẫn còn có thể hàn gắn được, vì lý do chị D có người đàn ông khác bên ngoài rồi anh khuyên ngăn nhưng chị D không nghe nên anh giận vợ mới đi làm ở Long An. Hiện tại, anh Th còn

thương vợ, thương con nên không đồng ý ly hôn với chị D. HĐXX xét thấy mâu thuẫn của anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Chí Th xác định anh chị có hai người con chung tên Nguyễn Chí Th1 - sinh ngày 28/01/2014 và Nguyễn Chí Th2 – sinh ngày 20/3/2018. Chị D và anh Th thống nhất thỏa thuận sau khi ly hôn sẽ giao cháu Nguyễn Chí Th2 cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và giao cháu Nguyễn Chí Th1 cho anh Th tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Do đó, HĐXX ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của anh chị.

Chị D và anh Th có quyền tới lui thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở anh chị thực hiện quyền này. Khi cần thiết anh chị có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa các đương sự không có yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Chí Th xác định anh chị không có tài sản chung và cũng không có thiếu nợ ai. Do đó, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm là: 300.000 đồng chị Nguyễn Thị D phải nộp do chị có yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều và Điều 228 của BLTTDS năm 2015; Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 131 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn với anh Nguyễn Chí Th.

2. Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Chí Th sau khi ly hôn sẽ giao cháu Nguyễn Chí Th2 – sinh ngày 20/3/2018 cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và giao cháu Nguyễn Chí Th1 - sinh ngày 28/01/2014 cho anh Th tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Chị D và anh Th có quyền tới lui thăm nom con chung, không ai có quyền cản trở anh chị thực hiện quyền này. Khi cần thiết, anh chị có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử miễn xét.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử miễn xét.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm là: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị Nguyễn Thị D phải nộp do chị có yêu cầu xin ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp trước đây là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008910,

ngày 22/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, chị D đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án là ngày 16 /6/2020. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh;
- VKS huyện Gò Quao;
- Chi cục THA huyện Gò Quao;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Tôn